

Số: 54/2021/QĐST-HNGĐ

P, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985;

HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

- Chị Lê Thị S, sinh năm 1989;

HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Lê Khánh C, sinh ngày 18/4/2014;

HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

- Cháu Nguyễn Tấn D, sinh ngày 17/10/2017;

HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật cho cháu C và cháu D: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị S là bố mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh H vào ngày 13/9/2013 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị S là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, anh T, chị S sống không hạnh phúc, do có nhiều mâu thuẫn phát sinh dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cả hai anh chị đều thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận. Xét đây là sự tự nguyện của anh T và chị S nên cần được chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị S có với nhau 02 con chung trong thời kỳ hôn nhân là các cháu: Nguyễn Lê Khánh C, sinh ngày 18/4/2014; Nguyễn T D, sinh ngày 17/10/2017. Anh T và chị S thỏa thuận thống nhất giao cháu Nguyễn Lê Khánh C cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn T D cho chị Lê Thị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh T và chị S thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy đây là sự tự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần được ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị S thỏa thuận thống nhất anh T tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét đây là sự tự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị S tự nguyện thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị S thỏa thuận thống nhất giao cháu Nguyễn Lê Khánh C, sinh ngày 18/4/2014 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn T D, sinh ngày 17/10/2017 cho chị Lê Thị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của anh T và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn anh T và chị S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị S thỏa thuận anh T tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003906 ngày 13/8/2021 của C cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- C cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh H;
- UBND xã Đ (GCNKH số 67/2013)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q